

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Tư vấn giám sát thi công xây dựng
- Tên dự án: Nâng cấp kênh tưới tiêu kết hợp đường vùng nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp (giai đoạn 6). Hạng mục: đường nội đồng.
- Nguồn vốn: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Giá gói thầu: 1.134.357.000 VNĐ (trong đó dự phòng 12.899.000 VNĐ)
- Mục đích tuyển chọn nhà thầu:
 - +/- Lựa chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn xây dựng phù hợp, có giá dự thầu hợp lý.
 - +/- Đáp ứng được các nội dung yêu cầu chất lượng, tiến độ của gói thầu.

1. Quy mô xây dựng:

1.1. Quy mô xây dựng chủ yếu

- Trên cơ sở nền, mặt đường hiện trạng tiến hành mở rộng nền, mặt đường và xây dựng mặt đường bằng BTXM; hoàn thiện hệ thống ATGT, hệ thống thoát nước và hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp để đảm bảo giao thông, vệ sinh môi trường, duy trì khả năng khai thác của tuyến đường.

- Do mục đích xây dựng các tuyến đường nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp nên quy mô tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn TCVN10380-2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế, với kết cấu áo đường cứng bằng bê tông xi măng là lựa chọn phù hợp công năng của tuyến; quy mô cụ thể như sau:

* Các tuyến 2, 6P, 7, 8, 9, 11 được thiết kế các tuyến theo cấp B giao thông nông thôn TCVN10380-2014:

+ Bề rộng mặt cắt ngang: $B_{\text{nền}} = 0,75 + 3,5 + 0,75$ (m); riêng tuyến 11 có $B_{\text{nền}} = 0,5 + 3,5 + 0,5$ (m);

+ Bề rộng mặt đường xe chạy $B_{\text{mặt}} = 3,5$ m.

* Các tuyến 1, 4, 6T, 12, 13, 16 được thiết kế theo cấp A giao thông nông thôn TCVN10380-2014 với tốc độ xe chạy 20km/h, cụ thể như sau:

- + Bề rộng mặt cắt ngang: $B_{\text{nền}} = 0,5+5,5+0,5$ (m);
- + Bề rộng mặt đường xe chạy $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$;
- + Bề rộng lề đường mỗi bên: $B_{\text{lề}} = 0,5\text{m}$.
- * Tuyến 10 thiết kế theo cấp IV theo TCVN4054-2005, cụ thể như sau:
 - + Bề rộng mặt cắt ngang: $B_{\text{nền}} = 0,25+0,5+5,5+0,5+0,25$ (m);
 - + Bề rộng mặt đường xe chạy $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ trong đó bề rộng lề gia cố mỗi bên: $B_{\text{lề}} = 0,5\text{m}$; kết cấu lề gia cố như kết cấu mặt đường;
 - + Bề rộng lề đường mỗi bên: $B_{\text{lề}} = 0,25\text{m}$.
- * Các tuyến ngoài đê Hoàng Long: tuyến 12, 13, 16 được gia cố mái taluy bằng BTCT để đảm bảo an toàn và chống xói lở.

1.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

- a. Bình đồ: Hướng tuyến bám theo hướng tuyến hiện tại.
- b. Trắc dọc:

Đường đò thiết kế trên cơ sở bám theo mặt đường cũ, bám sát các điểm khống chế để đảm bảo êm thuận và phù hợp với hiện trạng khu vực dân cư hai bên tuyến.
- c. Trắc ngang:

Trắc ngang nền, mặt đường thiết kế đảm bảo phù hợp quy mô theo chủ trương được phê duyệt.
- d. Nền, mặt đường.
 - Nền đường: Đào khuôn đường, đào nền đường; đào đất KTH phạm vi qua ruộng 30cm, đoạn qua ao, kênh là 50cm, riêng đoạn qua thung (tuyến 16) đào đất bùn là 1,0m; đắp nền đường, lề đường bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt K90, riêng lớp tiếp giáp đáy móng trong phạm vi mặt đường đầm chặt K95.
 - Mặt đường:
 - * Kết cấu mặt đường áp dụng cho các tuyến 1, 4, 6-T (thuộc tuyến 6), 12, 13, 16, 10 (bao gồm 2 đoạn tuyến 10A và 10B) được tính toán theo TCCS39:2020 - Thiết kế mặt đường BTXM - Tiêu chuẩn thiết kế gồm:
 - + Bê tông xi măng đá 2x4, mác 300, dày 20cm;
 - + Lớp giấy dầu phân cách;
 - + Cấp phối đá dăm loại I dày 18cm;
 - + Lớp đáy móng K95 dày 50cm (riêng tuyến 6-T đắp K95 kết hợp lu lèn lại nền đường dày 30cm trên phạm vi nền đường cũ; Tuyến 7 đắp nền K95 dày 30cm), phần nền còn lại đắp đất đầm chặt K90.
 - * Kết cấu mặt đường các tuyến tuyến 2, 6-P (thuộc tuyến 6), 7, 8, 9, 11 được áp dụng định hình theo TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Tiêu chuẩn

thiết kế gồm:

- + Bê tông xi măng đá 2x4, mác 300, dày 20cm;
- + Lớp giấy dầu phân cách;
- + Cấp phối đá dăm loại I dày 16cm;
- + Lớp đáy móng K95 dày 30cm, phần nền còn lại đắp đất đầm chặt K90.

e. Khe co dãn:

Mặt đường bằng BTXM được thiết kế theo TCCS39:2022/TCĐBVN. Thép dùm trong khe ngang là thép tròn trơn, khe dọc là thép có gờ. Đối với các tuyến có bề rộng mặt đường <5.5m, không bố trí cốt thép truyền lực khe co.

f. Nút giao, vuốt nối: Nút giao kiểu cùng mức và vuốt nối các đường giao dân sinh đảm bảo êm thuận. Vuốt nối về mặt đường cũ đoạn cuối tuyến và vuốt nối các nút giao với đường ngang đảm bảo êm thuận, kết cấu bằng BTXM.

g. Hệ thống an toàn giao thông:

- Bố trí cụm băng giảm tốc, biển báo tại những vị trí cần thiết theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT của Bộ GTVT.

- Bổ sung cọc tiêu tại các vị trí chênh cao lớn, kết cấu bằng BTCT M200 đúc sẵn kích thước 15x15x100(cm), móng bằng BTXM M150.

- Bổ sung gờ chắn bằng BTCT trên đỉnh kè, có sơn phản quang.

h. Kênh tưới, tiêu:

* Kênh xây đá hộc:

- Kênh được bố trí trên tuyến 6, tuyến 9 là kênh xây đá hộc, kích thước B=1,5m đồng thời là kênh tưới kết hợp tiêu thoát nước với chiều dài khoảng 333m (riêng đoạn qua cổng trường của tuyến 6 dùng bằng cống hộp BxH=1,5x1,5 có chiều dài 86,4m), có kết cấu như sau:

+ Thân kênh bằng đá hộc xây VXM M100; Trát thành kênh bằng VXM M100 dày 2cm;

+ Móng kênh (đáy kênh) bằng đá hộc xây VXM M100, trên lớp đá 4x6 chèn đầu cọc dày 10cm, gia cố cọc tre loại A dài 2,5m, mật độ 16 cọc/m²; Láng vữa XM M100 dày 2cm đáy kênh;

+ Giăng đỉnh kênh bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250;

+ Giăng ngang bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250, mật độ bố trí trung bình 5m/ bố trí 1 thanh;

+ Theo chiều tuyến kênh cứ 11,8m bố trí 01 khe lún được chèn giấy dầu tấm nhựa (2 lớp giấy, 3 lớp nhựa).

- Kênh được bố trí trên tuyến 7 là kênh xây đá hộc, kích thước B=3m đồng thời

là kênh tưới kết hợp tiêu thoát nước với chiều dài khoảng 290.68 có kết cấu như sau:

+ Thân kênh bằng đá hộc xây VXM M100; Trát thành kênh bằng VXM M100 dày 2cm;

+ Móng kênh (đáy kênh) bằng đá hộc xây VXM M100, trên lớp đá 4x6 chèn đầu cọc dày 10cm, gia cố cọc tre loại A dài 2,5m, mật độ 16 cọc/m²; Láng vữa XM M100 dày 2cm đáy kênh;

+ Giằng đỉnh kênh bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250;

+ Giằng ngang bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250, mật độ bố trí trung bình 5m/ bố trí 1 thanh;

+ Theo chiều tuyến kênh cứ 11,8m bố trí 01 khe lún được chèn giấy dầu tấm nhựa (2 lớp giấy, 3 lớp nhựa).

* Kênh xây gạch bê tông:

- Xây mới kênh xây gạch B600 tại tuyến 14 và tuyến 15 và bổ sung cho đoạn tuyến 12 có chiều dài khoảng 933,06m, với kết cấu như sau:

+ Móng kênh bằng BTXM M150# đá 2x4 đổ tại chỗ dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, đáy móng gia cố bằng cọc tre dài 2,5m/cọc mật độ đóng 25 cọc/m²;

+ Thân kênh xây bằng gạch bê tông không nung vữa xi măng M75#, trát thành kênh bằng vữa xi măng M75# dày 2cm;

+ Khe lún bằng 2 lớp giấy dầu tấm 3 lớp nhựa đường được bố trí với khoảng cách 11,8m/1 đơn nguyên;

+ Giằng đỉnh bằng BTCT M250# đá 1x2 dày 10cm đổ tại chỗ; cứ 5,5m bố trí 01 thanh giằng ngang bằng BTCT M250# đá 1x2 đổ tại chỗ.

k. Cổng trên tuyến:

Cổng dọc hoàn trả và cổng ngang bố trí mới tại các vị trí thông nước từ kênh sang ruộng hoặc kênh qua đường được đúc sẵn và lắp ghép. Kết cấu như sau:

- Ống cổng bằng BTCT M200# với cổng tròn và M300# với cổng hộp được đúc sẵn theo định hình 533-01 của Bộ GTVT;

- Móng cổng bằng BTXM M150# đá 2x4 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm;

- Tường đầu, tường cánh, chân khay bằng BTXM M150#;

- Móng cổng, sân cổng được gia cố bằng cọc tre chiều dài 2,5m/cọc, mật độ đóng 25 cọc/m².

l. Kè đá hộc:

Phạm vi qua ao, mương có chênh cos lớn để hạn chế chiếm dụng và nâng cao ổn định nền đường thì xử lý bằng kè đá hộc xây VXM, kết cấu kè như sau:

- + Móng gia cố bằng cọc tre loại A chiều dài 2.5m/cọc mật độ đóng 25 cọc/m²;
- + Tường kè xây đá hộc VXM M100#;
- + Giằng đỉnh kè bằng BTCT M250# đá 1x2 dày 20cm.
- + Bố trí gờ chắn trên đỉnh kè có sơn phản quang.

m. Gia cố mái taluy

- Tuyến 12: Gia cố mái taluy bằng BTCT, có tổng chiều dài khoảng 1139,20m.
- Tuyến 13: Gia cố mái taluy bằng BTCT, có tổng chiều dài khoảng 456.80m.
- Tuyến 16: Gia cố mái taluy bằng BTCT, có tổng chiều dài khoảng 848.05m.

Kết cấu gia cố như sau:

- Mái taluy bằng BTCT M200 đá 1x2 dày 15cm trên lớp BTXM lót móng M100 đá 4x6 dày 10cm;

- Chân khay bằng BTCT M200 đá 1x2 dày 15cm trên lớp đá dăm đệm 4x6 dày 10cm; Gia cố chân khay bằng cọc tre loại A chiều dài 2,5m/cọc, mật độ đóng 16 cọc/m².

- Khe lún bằng 2 lớp giấy dầu tấm 3 lớp nhựa đường được bố trí với khoảng cách 11,8m/1 đơn nguyên đối với chân khay và 2.95m/1 đơn nguyên đối với mái taluy;

- Bố trí ống nhựa D21 thoát nước bọc vải địa kỹ thuật thoát nước, mật độ a=1m.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình.

3. Loại, cấp công trình và nhóm dự án: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Thời gian thực hiện: Dự kiến 25 tháng (Theo tiến độ thi công)

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện.

1.1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn:

Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình Nâng cấp kênh tưới tiêu kết hợp đường vùng nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp (giai đoạn 6). Hạng mục: đường nội đồng phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án.

1.2. Thời gian thực hiện dự án: Năm (2025-2027).

1.3. Tiến độ thực hiện: 25 tháng.

2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn.

Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo nghị định 06/2021/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện;

- Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt;

- Xem xét và chấp thuận các nội dung do nhà thầu trình quy định tại 21, 22 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng với các nhà thầu về việc giao nhà thầu giám sát thi công xây dựng lập và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đối với các nội dung nêu trên;

- Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình;

- Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

- Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động;

- Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

- Tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố

theo quy định của Nghị định này;

- Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;
- Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng trong trường hợp cần thiết theo quy định tại Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ;
- Thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;
- Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng;
- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Bắt đầu ngay kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Báo cáo định kỳ: Cung cấp cho bên giao thầu, nhà thầu thi công các Báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng về các công việc do bộ phận thi công đã và đang thực hiện tại công trường, trong đó có báo cáo các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ báo cáo, nhận xét, đánh giá của bộ phận giám sát thi công về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục: Sau mỗi công đoạn thi công phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng mục công trình đã hoàn thành để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện các công đoạn tiếp theo.

3. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của bên giao thầu.

4. Báo cáo về chất lượng thi công công trình: Sau khi công trình xây dựng hoàn thành, đơn vị tư vấn giám sát phải có báo cáo về chất lượng thi công công trình cho Chủ đầu tư làm cơ sở cho nghiệm thu kỹ thuật công trình và nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng

5. Báo cáo hoàn thành Hợp đồng TVGS: Báo cáo này phải được đệ trình trước khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Kinh nghiệm và nhân sự của Nhà thầu theo các nội dung đã nêu ở các phần trên của E-HSMT này.

V. Trách nhiệm của bên mời thầu:

Nhà thầu tự chuẩn bị các điều kiện làm việc; Bên mời thầu sẽ cử cán bộ theo

dối, hợp tác, hỗ trợ với nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng và cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng.

